

Bản án số: **161/2019/HC-PT**

Ngày: 24 - 9 - 2019

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành  
chính, về lĩnh vực quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông **Mai Xuân Thành**

***Các Thẩm phán:*** Ông **Nguyễn Cường**

**Ông Nguyễn Thanh Long**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Hoàng Hải An**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông **Đinh Văn Chánh**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 106/2017/TLPT-HC ngày 09 tháng 5 năm 2017 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, về lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2017/HSPT ngày 31/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

***\* Người khởi kiện:*** Bà Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1953; địa chỉ: 335 đường T1, quận L, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

***Đại diện theo ủy quyền của bà V:***

1. Ông Nguyễn Văn B; Địa chỉ: 468 đường T2, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn N; Địa chỉ: tổ 99, phường H1, quận L, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

***Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà V:*** Luật sư Võ Văn Đ – thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; có mặt.

\* *Người bị kiện:* **Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng**; Địa chỉ: 24 đường T, thành phố Đà Nẵng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:*

\* *Người khởi kiện trình bày:* Nguồn gốc khu đất nông nghiệp trồng lúa tại H - P, Phường H1, quận L, thành phố Đà Nẵng có từ trước năm 1975 là của bà Huỳnh Thị Nhung - mẹ ruột của bà Nguyễn Thị Thanh V. Năm 1985 khi kê khai trong sổ đăng ký ruộng đất theo Chỉ thị 299 của Chính phủ mẹ bà V ghi tên cho anh ruột của bà V là Nguyễn Đ1 với tổng diện tích là 3.593m<sup>2</sup>.

Năm 1994 ông Nguyễn Đ1 đã thừa kế cho bà Nguyễn Thị Thanh V với tổng diện tích 3.623m<sup>2</sup>.

Năm 2008 khu đất trên bị quy hoạch để làm dự án Cụm Công nghiệp P nhưng thực tế dự án không hoạt động. Ngày 12/4/2010, Ban giải tỏa đền bù 1 Đà Nẵng tổ chức kiểm định nhưng không có quyết định thu hồi đất và không đo đạc thực tế mà sao chép hồ sơ kỹ thuật thửa đất đo đạc quy chủ năm 2007 (không có xác nhận chứng kiến của gia đình bà V do không thông báo) với tổng diện tích là 3.036m<sup>2</sup>. Chính đó là nguyên nhân gây ra thiếu đất.

Ngày 16/6/2011, Ban giải tỏa đền bù 1 giao cho gia đình bà V 16 quyết định thu hồi đất với tổng diện tích thu hồi là 3094,1m<sup>2</sup>. Khi nhận quyết định thu hồi đất bà V mới biết là thu hồi đất để làm dự án Cụm Công nghiệp P, 16 quyết định thu hồi đất ban hành nhiều năm, không đồng bộ, chồng chéo số thửa, sai tên sai diện tích đất gây thiếu đất của gia đình bà gần 500m<sup>2</sup>. Nhiều lần bà đề nghị UBND quận L cho đo đạc và công khai cho biết các văn bản quy định về thu hồi đất, bồi thường đất để dân biết thực hiện nhưng UBND quận L không đáp ứng. Thực tế Dự án cụm Công nghiệp không làm đến nay biến thành “Khu Đô thị P”. Ban Giải tỏa đền bù 1 thì dồn dập giao nhiều thông báo nhận tiền nhưng không giao quyết định bồi thường. Thực hiện không đúng trình tự thủ tục thu hồi đất, bồi thường và giải quyết chưa xong thì UBND quận L thực hiện cưỡng chế san lấp đất của gia đình bà V không giao quyết định cưỡng chế, tiếp tục giao Công ty ĐT-XD M quản lý.

Hơn 06 năm từ 12/4/2010 đến nay bà V chưa nhận bồi thường và đã 33 lần kiến nghị và khiếu nại kèm chứng cứ gửi đến các cấp thành phố nhưng việc giải quyết của các cấp thành phố Đà Nẵng không đúng quy định pháp luật gây

bức xúc cho gia đình.

Ngày 27/7/2016 Chủ tịch UBND thành phố ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 5021/QĐ-UBND, bà V không đồng ý vì các lý do sau:

1. *UBND thành phố không thực hiện đúng pháp luật quy định:*

Ngày 09/3/2015 UBND thành phố Đà Nẵng ra thông báo thụ lý số 40/TB-TA, ngày 27/7/2016 UBND thành phố mới ra quyết định giải quyết khiếu nại số 5021/QĐ-UBND là vi phạm Điều 28 Luật khiếu nại quy định thời hạn giải quyết không quá 45 ngày kể từ ngày thụ lý.

2. *UBND thành phố không giải quyết khiếu nại diện tích đất bị thiếu:*

Tổng diện tích ghi trong sổ đăng ký ruộng đất là 3.593 m<sup>2</sup>. Theo giấy thỏa thuận ngày 31/10/1994 được UBND xã H1 xác nhận diện tích đất là 3.623m<sup>2</sup> nhưng các quyết định thu hồi đất (Quyết định số 768, 769, 770, 773, 774, 775, 776, 777/QĐ-UBND ngày 07/6/2011) tổng diện tích chỉ có 3.094,1m<sup>2</sup> là thiếu gần 500m<sup>2</sup>. Đây là 08 quyết định điều chỉnh thu hồi đất ban hành cùng một ngày trong tổng số 16 quyết định thu hồi mà UBND quận L giao cùng ngày 16/6/2011. UBND thành phố đã không giải quyết diện tích đất thu hồi thiếu gần 500m<sup>2</sup> đất của bà V. Bởi lẽ khi có khiếu nại nguyên tắc phải cùng với chủ đất đo đạc lại từng thửa để tìm nguyên nhân thiếu đất.

3. *UBND thành phố không thực hiện thủ tục bồi thường và hỗ trợ đất nông nghiệp theo qui định:*

Theo quy định tại Điều 21 của Nghị định 69/2009/NĐ-CP thì đất nông nghiệp của gia đình bà V được hỗ trợ từ 20-30% giá đất ở cùng vị trí, theo đó quyết định số 36/QĐ-UBND của UBND thành phố quy định hỗ trợ 30% giá đất ở tại Điều 37.

Trong quyết định số 5021/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 kết luận trường hợp hộ bà V: “...được thực hiện theo quyết định số 70 và 71/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 của UBND thành phố Đà Nẵng... tại khoản 4 Điều 15 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng... Do đó việc UBND thành phố phê duyệt giải quyết bồi thường 100% giá đất trồng cây hàng năm hạng 1 đồng bằng 35.000đ/m<sup>2</sup> cho tổng diện tích thu hồi 3094,1m<sup>2</sup> là đúng quy định nêu trên”.

Như vậy Quyết định 5021/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng căn cứ Quyết định số 70/QĐ-UBND và 71/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 để đền bù là trái pháp luật.

- Không bố trí đất ở khi thu hồi toàn bộ diện tích đất sản xuất theo quy

*định, không bố trí đất để chuyển đổi ngành nghề theo quy định:*

Trước đây chủ dự án sử dụng đất để làm Cụm Công nghiệp P nên không có đất ở để bố trí, năm 2012 chủ dự án chuyển sang dự án khu - đô thị P, thực chất chia lô bán nền trên 3000 lô đất đã tạo lợi nhuận khổng lồ cho Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng M thì việc bán lại cho gia đình bà V vài lô đất để làm kinh tế tại sao không được (*Khoản 2a, b Điều 16 Thông tư số 14/2009/BTNMT*) (*Khoản 4 Điều 4 NĐ 17/2006/NĐ-CP hoặc Điều 19 Thông tư 14/2009/BTNMT-Khoản 3 và Khoản 6 Điều 42 Luật đất đai 2003*).

Vì các lý do trên đề nghị TAND thành phố tuyên hủy quyết định số 5021/QĐ- UBND ngày 27/7/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng, bồi thường đúng quy định của pháp luật khi thu hồi đất nông nghiệp.

***\* Tại văn bản số 9028/UBND-TTTP ngày 02/11/2016 UBND thành phố Đà Nẵng trình bày:***

Bà Nguyễn Thị Thanh V khiếu nại việc bồi thường thiệt hại về đất cho gia đình bà được UBND thành phố phê duyệt tại các Quyết định số 6921/QĐ-UBND ngày 11/8/2011, Quyết định số 8427/QĐ-UBND ngày 28/9/2011 và Quyết định số 9264/QĐ-UBND ngày 26/10/2011.

Bà V cho rằng UBND thành phố đã chậm bồi thường cho gia đình bà do đó bà V căn cứ khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP để yêu cầu bồi thường đất nông nghiệp với giá 50.000đ/m<sup>2</sup> theo bảng giá số 5, phụ lục số 1, Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND thành phố và hỗ trợ 30% giá đất ở cùng vị trí theo Khoản 2, Điều 37 Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố.

Ngày 27/7/2016, UBND thành phố ban hành Quyết định số 5021/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thanh V. Theo đó kết quả giải quyết khiếu nại giữ nguyên kết quả về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất đối với hộ bà Nguyễn Thị Thanh V khi thu hồi đất của hộ bà để thực hiện dự án Cụm công nghiệp P tại các Quyết định số 6921/QĐ-UBND ngày 11/8/2011, quyết định số 8427/QĐ-UBND ngày 28/9/2011 và Quyết định số 9264/QĐ-UBND ngày 26/10/2011 của UBND thành phố.

Quyết định số 549/QĐ -UBND ngày 08/7/2008 của UBND thành phố ban hành về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại, giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư dự án Khu kho tàng, cơ sở sản xuất cuối đường Nguyễn Huy Tưởng Cụm Công nghiệp P thì việc bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ giải tỏa dự án Cụm Công Nghiệp P được thực hiện theo quyết định số 70 và

71/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 của UBND thành phố Đà Nẵng.

Tại khoản 4 Điều 15 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng được ban hành kèm theo quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 của UBND thành phố Đà Nẵng quy định:

*“4. Bồi thường 100% theo giá đất nông nghiệp đối với các trường hợp sau:*

*đ) Đất nông nghiệp có đăng ký theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993, có đăng ký trong hồ sơ địa chính xác lập theo Nghị định 60/CP ngày 05/7/1994 nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được UBND phường, xã xác nhận sử dụng trước ngày 15/10/1993 và sử dụng liên tục đến khi thu hồi đất thì bồi thường theo diện tích đã đăng ký.”*

Tại bảng giá số 9 ban hành kèm theo Quyết định số 70 QĐ-UBND ngày 20/12/2007 của UBND thành phố Đà Nẵng và phụ lục số 1, khoản 1, Điều 1 Quyết định số 6117/QĐ-UBND ngày 29/7/2008 của UBND thành phố về việc giải quyết hỗ trợ đối với các hộ sản xuất nông nghiệp diện giải tỏa tại các dự án thực hiện quyết định số 70 /QĐ-UBND ngày 20/12/2007 quy định giá đất trồng cây hàng năm hạng 1 đồng bằng là 35.000đ/m<sup>2</sup>.

Hộ bà Nguyễn Thị Thanh V sử dụng đất do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Đ1 theo giấy thỏa thuận ghi ngày 31/10/1994 được UBND xã H1 xác nhận ngày 02/11/1994, diện tích đất ghi trong giấy thỏa thuận là 3.623m<sup>2</sup>. Đăng ký theo Nghị định số 64/CP thuộc tờ bản đồ số 13, thửa 825, 826, 820, 821, 823, 541, 828 diện tích 3.193m<sup>2</sup>, loại đất 2 lúa đứng tên ông Trần Hùng Cường (chồng bà V). Diện tích đo đạc thực tế là 3.094,1m<sup>2</sup>. Do đó việc UBND thành phố phê duyệt giải quyết bồi thường 100% giá đất trồng cây hàng năm hạng 1 đồng bằng 35.000đ/m<sup>2</sup> cho tổng diện tích đất thu hồi 3.094,1m<sup>2</sup> là đúng quy định.

Việc bà V khiếu nại kết quả giải quyết bồi thường nêu trên và yêu cầu đền bù đất nông nghiệp giá 50.000đ/m<sup>2</sup> theo quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND thành phố và hỗ trợ 30% giá đất ở cùng vị trí theo quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố là không có cơ sở xem xét giải quyết.

UBND thành phố khẳng định việc ban hành quyết định 5021/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị Thanh V là đúng quy định.

***Với nội dung trên tại bản án hành chính sơ thẩm số 06/2017/HCST ngày 31/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:***

Căn cứ Điều 115, Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Căn cứ Luật đất đai năm 2003, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai; Căn cứ khoản 2 Điều 21 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Căn cứ pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh V về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5021/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thanh V, trú tại tổ 250, H 2, phường H1, quận L, thành phố Đà Nẵng.

- Hủy Quyết định số 5021/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thanh V, trú tại tổ 250, H 2, phường H1, quận L, thành phố Đà Nẵng đối với nội dung “Không chấp nhận khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thanh V yêu cầu hỗ trợ 30% giá đất ở cùng vị trí theo Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố”.

- Buộc Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng giải quyết hỗ trợ khi thu hồi đối với diện tích đất nông nghiệp của hộ bà Nguyễn Thị Thanh V để thực hiện dự án theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và khoản 2, khoản 3 Điều 37 Quy định của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và giải quyết nội dung khiếu nại về diện tích đất bị thiếu tại quyết định thu hồi đất của bà Nguyễn Thị Thanh V theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 05/4/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng kháng cáo toàn bộ nội dung bản án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà Nguyễn Thị Thanh V, vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng có văn bản xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà V đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Luật tổ tụng hành chính, các đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nguồn gốc diện tích đất hộ gia đình bà V bị thu hồi.

Hộ bà Nguyễn Thị Thanh V là chủ sử dụng hợp pháp các thửa đất số: 825, 826, 820, 821, 823, 541, 828 thuộc tờ bản đồ số 13, tại thôn H, phường H1, quận L, thành phố Đà Nẵng, đã thực hiện đăng ký kê khai theo Nghị định 64/CP. Nguồn gốc đất do hộ bà V nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ ông Nguyễn Đ1 theo giấy thỏa thuận đề ngày 31/10/1994 được UBND xã H1 (cũ) xác nhận ngày 02/11/1994 với diện tích 3.623m<sup>2</sup>. Diện tích đất trên ông Nguyễn Đ1 đã kê khai theo Chỉ thị 299/CT-TTg có tên trong sổ đăng ký ruộng đất và sổ mục kê ruộng đất của UBND xã H1 (cũ) nay là phường H1, quận L, thành phố Đà Nẵng, diện tích kê khai theo Nghị định 64/CP là 3,193m<sup>2</sup>, Quyết định thu hồi đất là 3.036m<sup>2</sup>.

Do có sự chênh lệch về số liệu nêu trên nên bà V khiếu nại về thủ tục xem xét đo đạc thực tế khi thu hồi. Qua xem xét tài liệu có trong hồ sơ thì thấy rằng việc thu hồi đất của hộ gia đình bà V là không đúng trình tự khi thu hồi đất không có biên bản kê khai xác nhận của hộ bị thu hồi dẫn đến khiếu nại. Trong quá trình thụ lý ở cấp phúc thẩm qua đối thoại ngày 02/3/2018 các bên đã có biên bản thống nhất về nội dung là: Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các ngành chức năng cùng hộ bà V rà soát và kiểm tra lại diện tích đất bị thu hồi.

Sau khi kiểm tra diện tích thu hồi của gia đình bà V thì Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng vẫn giữ nguyên số liệu như trước đây.

[2] *Quá trình thu hồi đất và những căn cứ mà Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng thực hiện việc bồi thường cho hộ gia đình bà V:*

[2.1] Toàn bộ diện tích đất nông nghiệp nói trên thuộc diện phải thu hồi nhằm thực hiện dự án Cụm Công nghiệp P.

Vào năm 2008, UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành các quyết định thu hồi đất của hộ gia đình bà V: Quyết định số 1733/QĐ-UBND ngày 15/9/2008; Quyết định số 1732/QĐ-UB ngày 15/9/2008; Quyết định số 1877/QĐ-UBND; Quyết định số 1878/QĐ-UBND; Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 2/10/2008; Quyết định số 2009/UBND ngày 8/10/2008; Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 18/3/2008 và Quyết định số 1517/ QĐ-UBND ngày 15/9/2008.

Tuy nhiên do các quyết định nêu trên thu hồi do không đúng đối tượng có sai sót về diện tích vị trí. Vì vậy vào năm 2011 UBND thành phố Đà Nẵng ban hành các quyết định thay thế các quyết định thu hồi nêu trên. Tổng diện tích 3.094,1 m<sup>2</sup>.

**Cụ thể như sau:**

- Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 17/6/2011 diện tích thu hồi: 652,8m<sup>2</sup>.
- Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 với diện tích thu hồi: 191,5m<sup>2</sup>.
- Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 với diện tích thu hồi: 362,4m<sup>2</sup>.
- Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 với diện tích thu hồi: 362,5m<sup>2</sup>.
- Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 với diện tích thu hồi: 546,2m<sup>2</sup>.
- Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 với diện tích thu hồi: 595m<sup>2</sup>
- Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 với diện tích thu hồi: 189,1m<sup>2</sup>
- Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 với diện tích thu hồi: 194,6m<sup>2</sup>

Sau khi có quyết định thu hồi đất nêu trên UBND thành phố đã ra các

quyết định phê duyệt giá trị đền bù.

**Cụ thể như sau:**

- Quyết định số 5498/QĐ – UBND ngày 08/7/2008 của UBND thành phố Đà Nẵng về phê duyệt Phương án bồi thường hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư Dự án Cụm công nghiệp P.

- Quyết định số 6921/QĐ-UBND ngày 11/8/2011 về việc phê duyệt giá trị đền bù đối với các hộ giải tỏa dự án Cụm Công nghiệp P.

- Quyết định số 8427/QĐ-UBND ngày 28/9/2011 về việc phê duyệt giải quyết hỗ trợ, đền bù, tái định cư đối với các hộ giải tỏa dự án

- Quyết định số 9264/QĐ-UBND ngày 26/10/2011 về việc phê duyệt giải quyết hỗ trợ, đền bù, tái định cư đối với các hộ giải tỏa 02 dự án:

Ba quyết định phê duyệt nói trên của UBND thành phố Đà Nẵng đều căn cứ vào Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng quy định về bồi thường, hỗ trợ và bố trí đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Tại bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã Quyết định:

*Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh V về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5021/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thanh V, trú tại tổ 250, H 2, phường H1, quận L, thành phố Đà Nẵng.*

*Hủy Quyết định số 5021/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thanh V, trú tại tổ 250, H 2, phường H1, quận L, thành phố Đà Nẵng đối với nội dung “Không chấp nhận khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thanh V yêu cầu hỗ trợ 30% giá đất ở cùng vị trí theo Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố”.*

*Buộc Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng giải quyết hỗ trợ khi thu hồi đối với diện tích đất nông nghiệp của hộ bà Nguyễn Thị Thanh V để thực hiện dự án theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và khoản 2, khoản 3 Điều 37 Quy định của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất*

*trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và giải quyết nội dung khiếu nại về diện tích đất bị thiếu tại Quyết định thu hồi đất của bà Nguyễn Thị Thanh V theo đúng quy định của pháp luật.*

[3] Căn cứ vào những tài liệu mà các đương sự cung cấp và Tòa án cấp sơ thẩm xác minh thu thập, đối chiếu với quy định của pháp luật; Xét thấy: Bản án sơ thẩm có nhiều sai sót và vi phạm trong việc áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục sửa chữa được bởi những căn cứ sau:

[3.1] Ngày 08/7/2008, UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 5498/QĐ – UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư Dự án Cụm công nghiệp P. Tuy nhiên theo án sơ thẩm nhận định, Dự án nêu trên sau này chuyển thành dự án khu đô thị P, trên thực tế hiện nay diện tích đất nêu trên nằm trong khu đô thị P.

Như vậy cần phải làm rõ việc chuyển đổi dự án vào thời điểm nào? Có trước hay có sau thời điểm Ủy ban nhân dân quận L ban hành 08 Quyết định thu hồi đất của hộ gia đình bà V vào tháng 6 năm 2011. Đồng thời cần phải làm rõ việc chuyển đổi dự án từ Cụm công Nghiệp sang Dự án khu đô thị P có dự án phê duyệt về Phương án bồi thường và thực hiện theo đúng các quy định tại các Điều 29, 30, 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ hay không? Nếu bồi thường theo Dự án cụm Công Nghiệp P nhưng lại sử dụng vào mục đích làm dự án Khu đô thị là hoàn toàn không đúng mục đích thu hồi đất, bồi thường. Để từ đó đánh giá tính hợp pháp của Quyết định hành chính, và buộc cơ quan nhà nước phải thực hiện các hành vi theo quy định của pháp luật.

[3.2] Bà Nguyễn Thị Thanh V khiếu nại Quyết định số 5021/QĐ- UBND ngày 27/7/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện, hủy Quyết định nêu trên. Tuy nhiên Quyết định 5021/QĐ – UB nêu trên là quyết định giải quyết khiếu nại đối với các Quyết định phê duyệt giá trị bồi thường hỗ trợ cho các hộ dân thuộc diện giải tỏa trong đó có hộ bà V, thế nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên hủy các Quyết định có liên quan là không đúng pháp luật.

[3.3] Bà V khiếu nại diện tích đất thu hồi bị thiếu, Bản án sơ thẩm tuyên buộc Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng giải quyết nội dung khiếu nại về diện tích đất bị thiếu tại Quyết định thu hồi đất của bà Nguyễn Thị Thanh V là không phù hợp với Điều 44 Luật đất đai năm 2003 và Điều 18 Luật Khiếu nại tố cáo năm 2011. Bởi vì diện tích đất bị thu hồi là thuộc thẩm quyền UBND quận L,

Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND quận L vào tham gia tố tụng để làm rõ nội dung nêu trên là thiếu sót.

[3.4] Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính thì Tòa án có quyền “*buộc cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật*”.

Tại quyết định của Bản án sơ thẩm tuyên “*Buộc Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng giải quyết hỗ trợ khi thu hồi đất đối với diện tích đất nông nghiệp của hộ bà Nguyễn Thị Thanh V để thực hiện dự án theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và khoản 2, khoản 3 Điều 37 Quy định của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*.”

Như vậy, bản án sơ thẩm tuyên buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng phải thực hiện hành vi cụ thể theo các văn bản quy phạm pháp luật là không đúng, không phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho cả 02 bên đương sự, những sai sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, cần phải hủy bản án sơ thẩm để giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Án phí: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 06/2017/ngày 31/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thụ lý, xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Án phí: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng

300.000 đồng, đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 001059 ngày 03/5/2017 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; P.HCTP; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Mai Xuân Thành**